

Số: /2019/NQ-HĐND Tuyên Quang, ngày tháng 8 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ
sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Xét Tờ trình số 32/TTr-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 101/BC-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang áp dụng đối với các sản phẩm nằm trong danh mục ngành hàng, sản phẩm quan trọng cần khuyến khích, ưu tiên hỗ trợ trong liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (*sau đây viết tắt là Nghị định số 98/2018/NĐ-CP*) và các chính sách, pháp luật hiện hành của Nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng

a) Nông dân, chủ trang trại, người được ủy quyền đối với hộ nông dân, tổ hợp tác.

b) Cá nhân, người được ủy quyền đối với nhóm cá nhân, hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh.

c) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

d) Doanh nghiệp.

đ) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 2. Chính sách hỗ trợ

1. Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết: Chủ trì liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết, tối đa không quá 100 triệu đồng, bao gồm tư vấn, nghiên cứu để xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường.

2. Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết: Dự án liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 30% vốn đầu tư máy móc trang thiết bị; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết bao gồm: Nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Tổng mức hỗ trợ không quá 5,0 tỷ đồng.

3. Hỗ trợ giống: Hỗ trợ 70% chi phí mua giống, tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của hợp tác xã, mức hỗ trợ không quá 400 triệu đồng.

4. Hỗ trợ bao bì, nhãn mác: Hỗ trợ 100% chi phí mua bao bì, nhãn mác sản phẩm, tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của hợp tác xã, mức hỗ trợ không quá 100 triệu đồng.

5. Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng: Hỗ trợ tối đa 40% chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới (*không áp dụng đối với chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật của các dự án, đề tài khoa học cấp tỉnh*), áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi (*bao gồm thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, Nông nghiệp hữu cơ Việt Nam, các chứng nhận chất lượng sản phẩm đảm bảo tiêu chuẩn an toàn thực phẩm*), mức hỗ trợ không quá 100 triệu đồng.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách

1. Nguồn kinh phí hỗ trợ tại khoản 1,3,4,5 Điều 2 Nghị quyết này thực hiện theo các kế hoạch, chương trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, nguồn vốn từ các chương trình, dự án hợp pháp khác và ngân sách tỉnh.

2. Nguồn kinh phí hỗ trợ tại khoản 2, Điều 2 Nghị quyết này thực hiện theo các kế hoạch, chương trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư, nguồn vốn từ các chương trình, dự án hợp pháp khác và ngân sách tỉnh.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Bãi bỏ Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh Tuyên Quang ban hành Quy định về hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn; quy mô diện tích tối thiểu đối với Dự án cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Các bên tham gia liên kết đang thực hiện theo Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được hưởng các chính sách đã được phê duyệt hoặc được hưởng các chính sách theo quy định tại Nghị quyết này cho đến khi hết hợp đồng liên kết đã ký nếu đáp ứng được các điều kiện hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XVIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 23 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 8 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và PTNT;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Liên minh HTX Việt Nam;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các tổ chức CTXH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Công báo Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Báo Tuyên Quang;
- Lưu: VT (Na).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Sơn